

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)

HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24-25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
1	21125060	Nguyễn Minh Quang	16	16	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
2	21125090	Trần Thiên Phúc	16	16	9,98	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
3	21125143	Nguyễn Xuân Tùng	8	8	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.823.280		13.823.280		TT
4	21126019	Nguyễn Thái Huyền	12	8	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	6.378.570		6.378.570		VP
5	21126051	Trần Minh Châu	10	10	8,14	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	9.497.400		9.497.400		VP
6	21126081	Tôn Đức Quý	10	10	8,32	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	9.497.400		9.497.400		VP
7	21127004	Trần Nguyễn An Phong	8	8	9,25	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
8	21127009	Trần Minh Anh	14	8	9,25	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	17.531.800		17.531.800		CLC
9	21127038	Võ Phú Hân	8	8	8,7	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
10	21127058	Lưu Đình Huy	12	12	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
11	21127083	Hoàng Đức Kiên	8	8	9	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
12	21127135	Diệp Hữu Phúc	8	8	8,95	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
13	21127141	Bùi Đỗ Duy Quân	14	8	9,1	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	17.531.800		17.531.800		CLC
14	21127183	Phạm Phú Toàn	8	8	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.144.540		11.144.540		CLC
15	21127246	Lê Minh Đức	12	12	8,97	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.197.100		15.197.100		CLC
16	21127247	Quách Tấn Dũng	12	12	8,63	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.197.100		15.197.100		CLC
17	21127322	Hoàng Xuân Khôi	8	8	9,25	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
18	21127335	Sầm Phan Hoài Lâm	8	8	9,4	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
19	21127360	Phạm Văn Minh	8	8	8,8	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
20	21127364	Phạm Thị Phương Nam	8	8	8,8	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
21	21127382	Phù Thành Nhân	16	16	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.080		22.289.080		CLC
22	21127416	Trịnh Hoàng Phước Sang	12	12	8,73	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.197.100		15.197.100		CLC
23	21127446	Võ Minh Anh Thư	14	8	8,7	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	17.531.800		17.531.800		CLC
24	21127489	Đinh Thế Anh	8	8	9,4	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
25	21127495	Lê Ngô Song Cát	8	8	8,8	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
26	21127643	Nguyễn Chí Lương	8	8	9,55	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
27	21127658	Trần Hà Minh Nhật	8	8	9,3	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC
28	21127682	Vũ Minh Quỳnh	8	8	9,1	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	10.131.400		10.131.400		CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24-25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
29	21127686	Nguyễn Phùng Tài	8	8	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.144.540		11.144.540		CLC
30	21127739	Vũ Minh Phát	12	12	9,53	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	16.518.600		16.518.600		CLC
31	22125002	Phạm Minh Anh	20	20	9,82	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	34.558.200	28.798.500	5.759.700	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
32	22125042	Lê Mai Khôi	16	16	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
33	22125075	Nguyễn Duy Phúc	16	16	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
34	22125118	Phạm Ngọc Phương Uyên	16	16	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
35	22127096	Trần Phúc Hải	10	10	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.093.680		13.093.680		CLC
36	22127128	Nguyễn Minh Hoàng	15	15	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
37	22127154	Nguyễn Gia Huy	15	15	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
38	22127164	Trần Nhật Huy	15	15	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
39	22127180	Nguyễn Phúc Khang	15	15	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
40	22127232	Lê Thị Ngọc Linh	19	19	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.719.360		25.719.360		CLC
41	22127270	Nguyễn Quang Minh	15	15	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
42	22127295	Võ Thành Nghĩa	15	15	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
43	22127313	Trần Ngọc Uyên Nhi	15	15	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
44	22127345	Nguyễn Hồng Quân	15	15	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
45	22127346	Nguyễn Trung Quân	15	15	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
46	22127360	Võ Nguyễn Phương Quỳnh	15	15	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
47	22127383	Nguyễn Thành Thái	19	19	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.719.360		25.719.360		CLC
48	22127389	Nguyễn Phúc Thành	15	15	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
49	22127420	Nguyễn Hà Nam Trân	15	15	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.640.520		19.640.520		CLC
50	22127451	Phan Thị Tường Vi	19	19	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.719.360		25.719.360		CLC
51	22127469	Đỗ Hải Yến	19	19	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.719.360		25.719.360		CLC
52	22127488	Trương Thanh Toàn	15	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.226.320		21.226.320		CLC
53	23125010	Lê Đại King	22	16	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.922.560	19.326.600	11.595.960	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
54	23125028	Lê Tiến Đạt	22	16	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.922.560		30.922.560		TT
55	23125061	Phạm Gia Hùng Khoa	22	16	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.922.560		30.922.560		TT
56	23125062	Phan Tuấn Kiệt	22	16	9,95	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.922.560		30.922.560		TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24-25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
57	23127065	Ngô Nguyễn Thê Khoa	18	12	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
58	23127072	Phan Huỳnh Minh Khôi	18	12	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
59	23127082	Nguyễn Thị Khánh Linh	18	12	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
60	23127083	Phạm Khánh Linh	18	12	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
61	23127091	Văn Thị Diễm My	20	14	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.241.480		23.241.480		CLC
62	23127106	Nguyễn Hoàng Quân	20	14	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.241.480		23.241.480		CLC
63	23127115	Mạch Quốc Tấn	18	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
64	23127150	Lê Quốc Anh	20	14	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.241.480		23.241.480		CLC
65	23127153	Huỳnh Gia Âu	18	12	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
66	23127261	Vương Ngũ Tín Thành	18	12	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
67	23127315	Nguyễn Trần Thiên An	20	14	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.241.480		23.241.480		CLC
68	23127318	Lê Hồ Đan Anh	18	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
69	23127333	Trương Quốc Cường	20	14	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.241.480		23.241.480		CLC
70	23127361	Thạch Ngọc Hân	18	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
71	23127398	Đinh Xuân Khương	20	14	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.241.480		23.241.480		CLC
72	23127414	Nguyễn Minh Luân	18	12	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
73	23127488	Lê Thị Minh Thư	20	10	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.658.200		18.658.200		CLC
74	23127502	Đỗ Nguyễn Minh Trí	18	12	9,82	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
75	23127541	Nguyễn Đức Trí	18	12	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.594.200		19.594.200		CLC
76	24125032	Văn Tuấn Khải	16	16	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
77	24125044	Trịnh Văn Thành	16	16	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
78	24125052	Lê Đạt Phúc An	16	16	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.646.560		27.646.560		TT
79	24127008	Trương Nhật Phát	15	15	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
80	24127021	Nguyễn Thành Đạt	15	15	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
81	24127041	Hoàng Trung Hiếu	15	15	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
82	24127104	Dư Hoài Phúc	15	15	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
83	24127105	Huỳnh Thanh Phúc	15	15	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA
84	24127126	Trần Nguyễn Duy Thịnh	15	15	9,11	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA
85	24127128	Nguyễn Cao Thông	15	15	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600	19.910.500	3.982.100	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
86	24127137	Nguyễn Thanh Trúc	15	15	9,45	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24-25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
87	24127159	Nguyễn Võ Tấn Duy	15	15	9,32	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA
88	24127173	Nguyễn Tuấn Hùng	15	15	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
89	24127179	Huỳnh Gia Khang	15	15	9,39	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA
90	24127238	Ngô Huỳnh Thắm	15	15	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
91	24127254	Hồ Đình Trí	15	15	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
92	24127257	Nguyễn Thành Trung	15	15	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA
93	24127269	Nguyễn Lê Thanh An	15	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
94	24127330	Lương Gia Bảo	15	15	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600	19.910.500	3.982.100	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
95	24127478	Nguyễn Hoàng Nhi	15	15	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
96	24127500	Nguyễn Đại Phúc	15	15	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA
97	24127549	Lê Phạm Minh Thu	15	15	9,76	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.901.550		21.901.550		TCTA
98	24127554	Ngô Thị Thanh Thuyết	15	15	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.892.600		23.892.600		TCTA